

*Bản án số: 05/2025/DSST
Ngày 10/09/2025
V/v: Tuyên bố hợp đồng
lao động vô hiệu*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuyên.

Ông Nguyễn Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số: 03/2025/TLST- DS ngày 21 tháng 07 năm 2025 về việc: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐST - LĐ ngày 22 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: Thôn N, xã Đ, thành phố Hà Nội).

2. Bị đơn: **Chị Vương Thị T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: Thôn N, xã Đ, thành phố Hà Nội).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Bà Nguyễn Thị C**, sinh năm 1963 - Nguyên Giám đốc Công ty TNHH T2.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: Thôn N, xã N, thành phố Hà Nội).

3.2. **Công ty TNHH F.**

Địa chỉ: Lô A và 1B, KCN N, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: Lô A và 1B, KCN N, xã N, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yamamoto Y - Tổng Giám đốc.

3.3. **Bảo hiểm xã hội cơ sở S;**

Địa chỉ: Số A đường D, thôn L, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: Số A đường D, thôn L, xã S, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1 - Giám đốc.

Có mặt chị H, chị T; vắng mặt ông H1, bà C và ông Yamamoto Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Năm 2014, chị nhu cầu muốn xin việc làm công nhân cho các Công ty, nhưng khi đó chị 37 tuổi, khó xin việc, do không hiểu biết pháp luật, chị đã hỏi mượn chứng minh nhân dân số 012646431 của chị Vương Thị T, sinh năm 1985 là người cùng làng với chị tại thôn N, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH T2 (gọi tắt là: Công ty T2). Sau đó, chị được tuyển dụng vào làm công nhân và đã ký hợp đồng lao động với Công ty FSV dưới thông tin người lao động là chị Vương Thị T, thực chất người làm việc tại Công ty T2 là chị: Nguyễn Thị H. Trong thời gian làm việc tại đây, Công ty T2 đã đóng bảo hiểm cho chị theo đúng pháp luật nhưng dưới tên chị Vương Thị T, số sổ bảo hiểm xã hội là: 0131582172. Chị làm tại Công ty này đến tháng 08/2015 thì nghỉ việc.

Sau khi nghỉ việc tại Công ty T2, chị lại nộp hồ sơ (vẫn dưới tên chị Vương Thị T) vào làm việc tại Công ty TNHH F (Công ty F) và đã ký hợp đồng lao động với Công ty F và Công ty đã đóng bảo hiểm cho chị theo đúng pháp luật nhưng dưới tên chị Vương Thị T, số sổ bảo hiểm xã hội là: 0131582172. Chị làm tại Công ty này đến tháng 02/2019 thì nghỉ việc.

Sau khi nghỉ việc tại Công ty F, chị đi làm việc tại Công ty khác và ký hợp đồng lao động với Công ty này dưới tên chị.

Trong thời gian chị làm việc tại Công ty F, chị Vương Thị T cũng làm hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1 từ tháng 09/2018 đến tháng 01/2020. Sau đó, chị T tiếp tục ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty Cổ phần S1 từ tháng 04/2020 đến tháng 01/2023. Hai Công ty này đều đóng bảo hiểm xã hội cho chị T theo đúng quy định, số bảo hiểm xã hội là: 0114171005.

Bản thân chị, trong thời gian làm việc tại Công ty T2 và Công ty F, các Công ty này đã đóng bảo hiểm cho chị dưới tên chị Vương Thị T, số sổ bảo hiểm là: 0131582172. Từ năm 2014 đến tháng 02/2019, chị chưa bao giờ yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm nêu trên.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Hợp đồng lao động được ký kết giữa chị dưới tên chị Vương Thị T và Công ty TNHH T2, Công ty TNHH F và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu về vấn đề bảo hiểm xã hội để chúng chị làm lại thông tin bảo hiểm đảm bảo quyền lợi cho chị và chị T.

Ngoài ra, chị không có ý kiến gì khác và cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để xuất trình cho Tòa án.

2. Bị đơn là chị Vương Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị H là người cùng làng với chị tại thôn N, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là thôn N, xã Đ, thành phố Hà Nội). Năm 2014, chị H 37 tuổi, rất khó để xin việc tại các công ty, chị H mong muốn đi làm công nhân tại công ty nên chị H đã hỏi mượn tên và chứng minh nhân dân của chị để làm hồ sơ xin việc làm tại Công ty TNHH T2. Do thiếu hiểu biết pháp luật hạn chế, suy nghĩ đơn giản và cũng không có nhu cầu đi làm nên chị đã đồng ý cho chị H mượn chứng minh nhân dân số 012646431 của chị và sử dụng thông tin cá nhân của chị để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH T2. Sau đó, chị H được tuyển dụng và làm công nhân và đã ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 dưới thông tin người lao động là chị, nhưng thực chất người lao động là chị Nguyễn Thị H. Trong thời gian chị H làm việc, Công ty TNHH T2 đã đóng bảo hiểm cho chị H theo đúng pháp luật nhưng dưới tên của chị là Vương Thị T, số sổ bảo hiểm xã hội là: 0131582172. Chị H làm việc ở công ty này đến tháng 08/2015 thì nghỉ việc. Tiếp đó, chị H lại nộp hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH F ở Lô A và 1B, KCN N, Q, Sóc Sơn H (nay thuộc xã N, thành phố Hà Nội) và vẫn dùng

thông tin cá nhân của chị là Vương Thị T. Tháng 8/2016, Chị H đã ký hợp đồng lao động số FVN-15042-02 với Công ty này thời hạn kể từ ngày 01/09/2016 đến ngày 30/08/2019, làm chính thức và được đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chị H làm việc, Công ty TNHH F đã đóng bảo hiểm cho chị H theo đúng pháp luật nhưng dưới tên của chị là Vương Thị T, số sổ bảo hiểm xã hội là: 0131582172. Chị H làm việc ở công ty này đến tháng 02/2019 thì nghỉ việc.

Năm 2018, chị làm hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1 từ tháng 09/2018 đến tháng 01/2020. Sau đó, chị tiếp tục ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Cổ phần S1 từ tháng 04/2020 đến tháng 01/2023. Hai Công ty trên đều đóng bảo hiểm xã hội cho chị đúng quy định, số bảo hiểm xã hội là: 0114171005.

Nay do thông tin đóng bảo hiểm của chị bị trùng, một mình chị có 02 sổ bảo hiểm, trong đó 01 sổ bảo hiểm của chị và 01 sổ bảo hiểm của chị H nhưng mang tên chị. Vì vậy chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H, đề nghị Tòa án tuyên hủy các Hợp đồng lao động được ký kết giữa chị (do chị Nguyễn Thị H ký) và Công ty TNHH T2, Công ty TNHH F. Đồng thời chị yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu về vấn đề bảo hiểm xã hội, để chị và chị H làm lại thông tin bảo hiểm, đảm bảo quyền lợi cho các chị.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị C trình bày:

Trước đây, bà là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: Thôn N, xã S, thành phố Hà Nội).

Đến năm 2023, do Công ty làm ăn thua lỗ nên chúng bà đã đăng ký thủ tục giải thể doanh nghiệp và ngày 04/10/2023, Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H đã ra thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại. Sau khi có thông báo của Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H, Công ty đã chấm dứt mọi hoạt động, không còn con dấu của Công ty, các vấn đề quyền và nghĩa vụ của Công ty, trong đó có quyền lợi người lao động bà thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người lao động Vương Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: Thôn N, xã Đ, thành phố Hà Nội): Trong quá trình Công ty TNHH T2 hoạt động, Công ty đã ký hợp đồng lao động với

chị Vương Thị T, hợp đồng thời vụ. Quá trình chị T làm việc tại Công ty, Công ty đã thanh toán lương và đóng bảo hiểm cho chị T theo quy định của pháp luật. Qua kiểm tra dữ liệu còn lưu giữ trên máy tính liên quan đến chị T, thì Công ty TNHH T2 và chị Vương Thị T đã ký Hợp đồng lao động số: 23488/FSV-2014 lập ngày 25/10/2014 và ngày hiệu lực hợp đồng từ 01/11/2014 đến 30/8/2015 (loại hợp đồng dưới 12 tháng). Tuy nhiên do Công ty đã giải thể nên bà không còn lưu giữ được Hợp đồng lao động nêu trên mà chỉ lưu giữ các tài liệu trong hồ sơ xin việc của chị T gồm: Sơ yếu lý lịch, Đơn xin xác nhận nhân sự, Chứng minh nhân dân mang tên Vương Thị T. Bà ủy quyền cho con gái bà là Nguyễn Thị Huyền T1 sẽ cung cấp cho Tòa án bản phô tô các tài liệu này.

Sau khi xem căn cước công dân của chị Vương Thị T và căn cước công dân của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: Thôn N, xã Đ, thành phố Hà Nội) có trong hồ sơ vụ án và đối chiếu với các tài liệu trong hồ sơ xin việc mang tên Vương Thị T mà bà lưu giữ được thì bà mới biết chị Nguyễn Thị H mới là người ký hợp đồng lao động, trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH T2. Việc chị H dùng thông tin của chị Vương Thị T để ký hợp đồng lao động cũng như làm việc tại Công ty, bà không nắm được nên đã tiến hành đóng bảo hiểm cho người lao động theo thông tin trên hợp đồng lao động và hồ sơ xin việc mà người lao động cung cấp.

Nay chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH T2 và chị Nguyễn Thị H dưới tên Vương Thị T, đồng thời yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu về vấn đề bảo hiểm xã hội, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Do bận công việc cá nhân, bà xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc do Tòa án tiến hành, kể cả phiên tòa.

3.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH F là ông Yamamoto Y: Công ty TNHH F đã ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ đối với người lao động có tên Vương Thị T, cụ thể: Hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng từ ngày 01/09/2015 (tham gia bảo hiểm xã hội từ 01/09/2015) và Hợp đồng lao động xác định thời hạn 36 tháng từ ngày 01/09/2016 (tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội). Hiện người lao động có tên Vương Thị T không còn làm việc tại Công ty và chấm dứt Hợp đồng lao động từ ngày 12/03/2019. Sau khi chị Vương Thị T nghỉ việc, Công ty đã làm thủ tục báo giảm Bảo hiểm, Cơ quan Bảo hiểm S đã chốt sổ Bảo hiểm và bàn giao trực tiếp cho người lao động.

Về yêu cầu khởi kiện của chị H: Công ty TNHH F không có thêm ý kiến hay đề nghị gì và sẽ tuân thủ quyết định của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật.

Do từ tháng 08/2025, kế hoạch công việc của Công ty D, chúng tôi xin phép không tham dự các buổi làm việc tại Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội. Bằng văn bản này, Công ty thông báo lý do vắng mặt và đề nghị Tòa án chấp thuận đây là đơn xin vắng mặt cho toàn bộ các buổi làm việc liên quan đến vụ án nêu trên.

3.3. Người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội cơ sở S trình bày:

Bảo hiểm xã hội cơ sở S đã kiểm tra dữ liệu đang quản lý như sau:

- Bà Vương Thị T, sinh ngày 14/04/1985, số CMT: 012646431, Số sổ BHXH: 0131582172, có quá trình tham gia BHXH: Từ tháng 11/2014 đến tháng 08/2015 tham gia BHXH tại Công ty TNHH T2. Từ tháng 09/2015 đến tháng 02/2019 tham gia BHXH tại Công ty TNHH F.

- Bà Vương Thị T, sinh ngày 14/04/1985, số CMT: 012646431, Số sổ BHXH: 0131582172, Quá trình tham gia BHXH từ tháng 11/2014 đến tháng 02/2019 không hưởng các chế độ BHXH.

- Ý kiến của BHXH cơ sở S: BHXH cơ sở S không có ý kiến về việc khởi kiện đối với bà T. Do bận công việc nên BHXH cơ sở S xin vắng mặt không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

4. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 32, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật TTDS năm 2015; khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 137, 144, 145, 146 Bộ luật Dân sự năm 1995; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Tuyên bố hợp đồng lao động số: 23488/FSV-2014 lập ngày 25/10/2014 được ký kết giữa Công ty TNHH T2 và chị Vương Thị T (do chị Nguyễn Thị H ký); 02 Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH F và chị Vương Thị T (do chị Nguyễn Thị H ký) là vô hiệu một phần đối với phần thông tin cá nhân của người lao động.

- Chị Nguyễn Thị H, chị Vương Thị T và Công ty TNHH F có trách nhiệm phối hợp với Bảo hiểm xã hội cơ sở S để hiệu chỉnh hồ sơ BHXH cấp lại (hoặc cấp mới) sổ BHXH đối với thời gian chị Nguyễn Thị H mượn hồ sơ thông tin cá nhân của chị Vương Thị T để làm việc và tham gia BHXH.

- Về án phí: Chị Vương Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H mượn chứng minh nhân dân và thông tin cá nhân của chị Vương Thị T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: Thôn N, xã Đ, thành phố Hà Nội) để ký kết Hợp đồng lao động số: 23488/FSV-2014 ngày 25/10/2014 với Công ty TNHH T2 và 02 Hợp đồng lao động (Hợp đồng lao động ngày 01/9/2015 và Hợp đồng lao động số FVN-15042-02 ngày 25/8/2016) với Công ty TNHH F. Sau khi ký kết hợp đồng, các Công ty này đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H theo thông tin của người lao động (họ tên, số chứng minh nhân dân) trên hợp đồng lao động là Vương Thị T. Năm 2018, chị T ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1 và Công ty Cổ phần S1, các Công ty này cũng thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho chị T theo quy định dẫn nên chị T có 02 sổ bảo hiểm xã hội, còn chị H trực tiếp làm việc, ký kết hợp đồng lao động nhưng không được hưởng bảo hiểm xã hội. Thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm, ngày 26/02/2025 chị H đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố các Hợp đồng lao động được ký giữa chị Vương Thị T (do chị H ký) với Công ty TNHH T2 và Công ty TNHH F vô hiệu. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] *Về tư cách tham gia tố tụng:* Ngày 25/10/2014, chị Vương Thị T (thực chất là chị Nguyễn Thị H) và Công ty TNHH T2 ký Hợp đồng lao động số: 23488/FSV-2014, thời hạn từ ngày 01/11/2014 đến 30/8/2015, Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H dưới tên Vương Thị T theo quy định của pháp luật. Đến ngày 30/8/2015, hai bên chấm dứt hợp đồng. Do làm ăn thua lỗ, Công ty TNHH T2 do bà Nguyễn Thị C làm Giám đốc đã chấm dứt hoạt động theo Thông báo số: 359666/23 ngày 04/10/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xác định bà Nguyễn Thị C là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[1.3] *Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự nhưng bà Nguyễn Thị C, ông Yamamoto Y và ông Nguyễn Văn H1 đều xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà C, ông Yamamoto Y và ông H1.

[2] *Về áp dụng pháp luật:* Chị Nguyễn Thị H sử dụng tên và các thông tin cá nhân của chị Vương Thị T ký hết Hợp đồng lao động số: 23488/FSV-2014, thời hạn từ ngày 01/11/2014 đến 30/8/2015 với Công ty TNHH T2 ký kết và ký kết Hợp đồng lao động ngày 01/9/2015, thời hạn từ ngày 01/9/2015 đến ngày 30/8/2015; Hợp đồng lao động số FVN-15042-02 ngày 25/8/2016, thời hạn từ 01/9/2016 đến ngày 30/8/2019 với Công ty TNHH F. Các hợp đồng lao động nêu trên được ký kết tại thời điểm Bộ luật Lao động năm 2012 có hiệu lực thi hành nên cần áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 để giải quyết vụ án.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về yêu cầu tuyên bố các Hợp đồng lao động vô hiệu:*

Tại Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: “*Hợp đồng lao động là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả lương, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động*”.

Tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới*

tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”.

Trên cơ sở các thông tin tại hồ sơ xin việc do người lao động cung cấp, Công ty TNHH T2 đã ký kết Hợp đồng lao động số: 23488/FSV-2014 với người lao động mang tên Vương Thị T và Công ty TNHH F đã ký kết Hợp đồng lao động ngày 01/9/2015, Hợp đồng lao động số FVN-15042-02 ngày 25/8/2016 với người lao động mang tên Vương Thị T. Các hợp đồng lao động nêu trên có nội dung, hình thức đúng quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 nên có hiệu lực thi hành.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, mặc dù thông tin người lao động trên các Hợp đồng lao động nêu trên là Vương Thị T nhưng người trực tiếp ký kết các hợp đồng lao động là chị Nguyễn Thị H. Nguyên nhân của sự sai lệch này do chị H đã mượn chứng minh nhân dân (căn cước công dân) của chị T, thay ảnh của mình vào ảnh của chị T trên chứng minh nhân dân và sử dụng thông tin cá nhân của chị Vương Thị T để làm hồ sơ xin việc rồi ký kết các hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 và Công ty TNHH F. Việc chị H sử dụng chứng minh nhân dân và thông tin của người khác để ký kết hợp đồng lao động là không trung thực, vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012. Tuy nhiên, sai phạm của chị H không nhằm mục đích vụ lợi cá nhân mà chỉ xuất phát từ chị H chỉ mong muốn được làm việc tại các Công ty để có thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình, đồng thời trên thực tế, chị H đã trực tiếp làm việc, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng lao động đã ký kết và cũng được hưởng các quyền lợi chính đáng như được hưởng lương, được tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) ... theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy có thể thấy, ngoài sai sót về thông tin về cá nhân của người lao động trong các hợp đồng lao động nói trên thì các thông tin còn lại trong hợp đồng đều phù hợp với quy định của pháp luật và đã được các bên giao kết hợp đồng (người lao động và người sử dụng lao động) thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật. Mặt khác tại khoản 2 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: “Hợp đồng lao động vô hiệu từng phần khi nội dung của phần đó vi phạm pháp luật nhưng không ảnh hưởng đến các phần còn lại của hợp đồng”. Vì vậy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị H tuyên bố Hợp đồng lao động số: 23488/FSV-

2014 ngày 25/10/2014 được ký kết giữa người lao động mang tên chị Vương Thị T (do chị Nguyễn Thị H ký) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH T2 cũng như Hợp đồng lao động ngày 01/9/2015, Hợp đồng lao động số FVN-15042-02 ngày 25/8/2016 được ký kết giữa người lao động mang tên chị Vương Thị T (do chị Nguyễn Thị H ký) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH F1 là bị vô hiệu một phần đối với phần thông tin cá nhân người lao động.

[3.2] Về giải quyết hậu quả pháp lý của Hợp đồng lao động vô hiệu một phần:

Tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định:

“a) Quyền, nghĩa vụ và lợi ích của các bên được giải quyết theo thỏa ước lao động tập thể hoặc theo quy định của pháp luật;

b) Các bên tiến hành sửa đổi, bổ sung phần của hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu để phù hợp với thỏa ước lao động tập thể hoặc pháp luật về lao động”.

Do các hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH T2 và Công ty TNHH F1 với người lao động là chị Nguyễn Thị H (mượn tên chị Vương Thị T) đều đã chấm dứt trước khi chị H khởi kiện và Công ty TNHH T2 đã giải thể và chấm dứt hoạt động. Vì vậy nên chị Nguyễn Thị H, chị Vương Thị T và Công ty TNHH F1 có trách nhiệm phối hợp với Bảo hiểm xã hội cơ sở S để hiệu chỉnh hồ sơ BHXH, cấp lại hoặc cấp mới sổ BHXH đối với thời gian chị H mượn hồ sơ của chị Vương Thị T để làm việc và tham gia BHXH.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 143, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị T phải nộp án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H xin chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 15, Điều 16, Điều 17, khoản 2 Điều 50, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012

- Khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2, 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Tuyên bố Hợp đồng lao động số: 23488/FSV-2014, thời hạn từ ngày 01/11/2014 đến 30/8/2015 được ký kết giữa Công ty TNHH T2 và người lao động chị Vương Thị T (do chị Nguyễn Thị H ký); Hợp đồng lao động số FVN-15042-02 ngày 25/8/2016 được ký kết giữa Công ty TNHH F1 và người lao động mang tên chị Vương Thị T (do chị Nguyễn Thị H ký) là vô hiệu một phần về phần thông tin người lao động.

2. Chị Nguyễn Thị H và chị Vương Thị T và Công ty TNHH F1 có trách nhiệm phối hợp với Bảo hiểm xã hội cơ sở S để hiệu chỉnh hồ sơ BHXH, cấp lại hoặc cấp mới sổ BHXH đối với thời gian chị H mượn hồ sơ của chị Vương Thị T để làm việc và tham gia BHXH.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng lệ phí tại theo Biên lai số 0001293 ngày 21/07/2025 của Thi hành án dân sự khu vực thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, chị Vương Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị C, Công ty TNHH F và Bảo hiểm xã hội cơ sở Sóc Sơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận

- Đường sự;
- VKSND khu vực 7 - Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thúy Hồng